

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh
Tri, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Số: 1501/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 10 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2015, Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (là Công ty con do Công ty Cổ phần Pin Hà Nội sở hữu 100% vốn) đã hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan tới hợp đồng chuyển nhượng dự án "Nhà máy sản xuất pin" tại Khu công nghiệp Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam cho Công ty TNHH Pin GP Việt Nam nhưng chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục bàn giao. Do vậy doanh thu của hợp đồng chuyển nhượng là 24.075.000.000 đồng, các chi phí tập hợp đến ngày 31/12/2015 cho dự án này của Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội là 22.354.726.013 đồng chưa được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội. Điều này dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 chưa phản ánh khoản lợi nhuận liên quan giao dịch nêu trên giá trị là 1.720.273.987 đồng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ tới các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Bùi Thanh Cương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2066-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		84.339.885.381	79.264.382.465
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.951.000.652	9.418.088.127
111	1. Tiền		10.951.000.652	9.418.088.127
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.580.341.871	33.952.968.181
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.329.845.848	27.166.819.507
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.603.814.237	5.619.807.032
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	623.052.588	1.906.585.357
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(976.370.802)	(740.243.715)
140	IV. Hàng tồn kho	8	49.638.844.784	33.231.144.886
141	1. Hàng tồn kho		49.803.925.908	33.432.698.617
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(165.081.124)	(201.553.731)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.169.698.074	2.662.181.271
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	29.999.999	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		181.081.220	165.359.129
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	958.616.855	2.496.822.142
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		37.153.726.462	38.554.344.868
220	II. Tài sản cố định		35.233.097.265	36.826.818.754
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	14.623.594.813	16.217.316.302
222	- Nguyên giá		49.944.018.901	47.566.795.081
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.320.424.088)	(31.349.478.779)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	20.609.502.452	20.609.502.452
228	- Nguyên giá		20.609.502.452	20.609.502.452
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	549.377.540	561.894.802
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		549.377.540	561.894.802
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	14.246	14.246
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.246	14.246
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.371.237.411	1.165.617.066
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.371.237.411	1.165.617.066
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		121.493.611.843	117.818.727.333

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

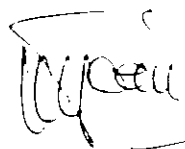
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		27.895.345.149	30.107.013.225
310	I. Nợ ngắn hạn		27.895.345.149	30.107.013.225
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	6.494.947.126	2.365.177.612
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		161.195.911	23.735.391
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	770.358.958	1.756.454.728
314	4. Phải trả người lao động		3.634.530.954	4.856.873.507
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.376.305.392	828.740.412
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	288.862.258	532.383.350
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	12.804.084.800	19.362.265.875
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		365.059.750	381.382.350
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		93.598.266.694	87.711.714.108
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	93.598.266.694	87.711.714.108
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		51.814.430.000	34.545.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>51.814.430.000</i>	<i>34.545.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.740.733.718	27.172.167.816
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.338.843.012	3.660.278.914
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.704.259.964	22.334.267.378
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		<i>5.132.441.021</i>	<i>5.661.220.497</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>12.571.818.943</i>	<i>16.673.046.881</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		121.493.611.843	117.818.727.333



Nguyễn Hải Long
Người lập



Võ Khánh Toàn
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán



Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

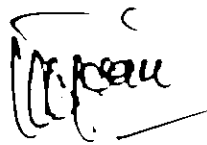
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	282.271.871.952	296.650.614.946
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	8.939.643.774	6.315.267.520
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		273.332.228.178	290.335.347.426
11	4. Giá vốn hàng bán	21	225.630.909.225	241.634.461.490
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.701.318.953	48.700.885.936
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.203.651.174	203.360.048
22	7. Chi phí tài chính	23	1.688.529.532	1.671.178.377
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		233.714.806	674.906.794
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	24	15.855.744.977	13.076.967.310
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15.401.333.790	13.160.609.255
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.959.361.828	20.995.491.042
31	12. Thu nhập khác		178.297.653	519.458.707
32	13. Chi phí khác		500.067	1.387.124
40	14. Lợi nhuận khác		177.797.586	518.071.583
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.137.159.414	21.513.562.625
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	3.565.340.471	4.840.515.744
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.571.818.943	16.673.046.881
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		12.571.818.943	16.673.046.881
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	426	3.218


Nguyễn Hải Long
Người lập

Võ Khánh Toàn
Trưởng phòng Tài chính - Kế toánPhạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.137.159.414	21.513.562.625
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.970.945.309	3.461.097.947
03	- Các khoản dự phòng		199.654.480	425.365.520
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(133.585.580)	57.789.898
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(32.573.008)	(28.278.283)
06	- Chi phí lãi vay		233.714.806	674.906.794
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.375.315.421	26.104.444.501
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		12.832.096.049	(15.758.900.688)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(16.371.227.291)	3.158.168.226
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		4.685.139.722	752.709.169
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(235.620.344)	(687.872.514)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(233.714.806)	(730.380.542)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.986.264.884)	(4.922.547.721)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(516.322.601)	(411.445.278)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.549.401.266	7.504.175.153
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.364.706.558)	(6.509.969.930)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		32.573.008	28.278.283
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.332.133.550)	(6.481.691.647)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		50.293.523.823	85.141.448.171
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(56.851.704.898)	(71.892.716.589)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.218.100.000)	(8.705.340.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.776.281.075)	4.543.391.582
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.440.986.641	5.565.875.088
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.418.088.127	3.852.213.039
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		91.925.884	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>10.951.000.652</u>	<u>9.418.088.127</u>

Nguyễn Hải Long

Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Vũ Khắc Toàn

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Phạm Văn Nghĩa

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 51.814.430.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 51.814.430.000 đồng; tương đương 5.181.443 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Cấu trúc Công ty

- Tổng số Công ty con:
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01
- Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Pin Hà Nội	Tỉnh Hà Nam	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh pin các loại

- Công ty có công ty liên kết đã thành lập nhưng chưa góp vốn nên chưa ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Pin GP Việt Nam	Tỉnh Hà Nam	0,00%	30,00%	Sản xuất, kinh doanh pin

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 32.

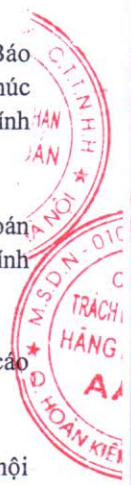
2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.



2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên Công ty liên kết đã được thành lập nhưng chưa góp vốn nên chưa ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng.		

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	154.475.650	36.584.177
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.796.525.002	9.381.503.950
	<u>10.951.000.652</u>	<u>9.418.088.127</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

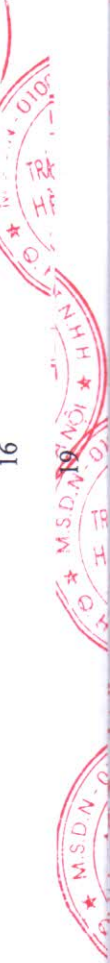
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh	-	-	-	-
- Công ty TNHH Pin GP Việt Nam (*)	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	14.246	-	14.246	-
	14.246	-	14.246	-

(*) Trong tháng 12 năm 2015 Công ty thực hiện ký hợp đồng liên doanh thành lập Công ty TNHH Pin GP Việt Nam với vốn điều lệ là 4.000.000 USD trong đó Công ty đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ của liên doanh. Công ty TNHH Pin GP Việt Nam có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại ngày 08/12/2015 tuy nhiên tới thời điểm 31/12/2015 Công ty chưa thực hiện chuyển tiền góp vốn.

Đầu tư vào Công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Pin GP Việt Nam (*)	Tỉnh Hà Nam	0,00%	30,00%	Sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin (đang trong quá trình đầu tư xây dựng)



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- KEO SIVANHTHONG	1.022.685.600	-
- GPI International Limited	11.136.257.242	19.533.525.660
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.170.903.006	7.633.293.847
	19.329.845.848	27.166.819.507
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	12.009.021.587	19.605.539.005
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.		

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	89.083.832	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	93.025.741	-	16.976.279	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	22.848.834	-	11.135.479	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	11.475.799	-	-	-
Tạm ứng	250.639.055	-	338.625.149	-
Ký cược, ký quỹ	17.000.082	-	1.100.717.876	-
Phải thu khác	228.063.077	-	350.046.742	-
	623.052.588	-	1.906.585.357	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Taian luchen chemical co.,ltd	684.208.000	-	684.208.000	228.635.288
- Công ty TNHH XDDV - TMTH Huy Hân	52.437.457	-	52.437.457	-
- Các khoản khác	281.061.141	41.335.796	266.431.956	34.198.410
	1.017.706.598	41.335.796	1.003.077.413	262.833.698

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.753.414.060	-	24.244.515.471	-
Công cụ, dụng cụ	48.790.304	-	54.536.716	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.361.678.452	-	2.093.126.910	-
Thành phẩm	5.865.090.286	(165.081.124)	5.189.124.822	(201.553.731)
Hàng hoá	1.746.914.350	-	1.795.368.589	-
Hàng gửi đi bán	28.038.456	-	56.026.109	-
	49.803.925.908	(165.081.124)	33.432.698.617	(201.553.731)

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	528.181.818	561.894.802
- <i>Thiết kế mặt bằng nhà máy tại Hà Nam</i>	445.000.000	478.712.984
- <i>Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công nhà máy</i>	83.181.818	83.181.818
Mua sắm tài sản cố định	21.195.722	-
- <i>Máy ép vi tự động</i>	21.195.722	-
	549.377.540	561.894.802

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì,
Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.288.312.433	29.377.450.971	4.627.656.927	273.374.750	47.566.795.081
- Mua trong năm	-	2.277.966.820	-	99.257.000	2.377.223.820
Số dư cuối năm	13.288.312.433	31.655.417.791	4.627.656.927	372.631.750	49.944.018.901
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.647.421.660	16.623.108.124	2.817.148.706	261.800.289	31.349.478.779
- Khấu hao trong năm	145.617.000	3.394.612.363	410.823.924	19.892.022	3.970.945.309
Số dư cuối năm	11.793.038.660	20.017.720.487	3.227.972.630	281.692.311	35.320.424.088
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.640.890.773	12.754.342.847	1.810.508.221	11.574.461	16.217.316.302
Tại ngày cuối năm	1.495.273.773	11.637.697.304	1.399.684.297	90.939.439	14.623.594.813

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.569.382.278 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội tại Đường N3, Khu C, Khu Công nghiệp Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam với tổng giá trị là 20.609.502.452 VNĐ.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
a) Ngắn hạn		
Trả trước tiền thuê nhà cho chuyên gia Trung Quốc	29.999.999	-
	29.999.999	-
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	557.382.050	232.134.043
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	794.417.859	926.416.571
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.437.502	7.066.452
	1.371.237.411	1.165.617.066

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VNĐ	nợ VNĐ	VNĐ	nợ VNĐ
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
SUN	1.202.132.800	1.202.132.800	43.588.270	43.588.270
PETROCHEMICAL S PVT.LTD				
Công Ty TNHH Hoá công Quế Lưu Quảng Tây	1.765.407.600	1.765.407.600	-	-
Công ty TNHH XNK Hán Đô Nghi Quảng Tây	898.900.200	898.900.200	-	-
GPI International Limited	1.263.319.200	1.263.319.200	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.365.187.326	1.365.187.326	2.321.589.342	2.321.589.342
	6.494.947.126	6.494.947.126	2.365.177.612	2.365.177.612
b) Phải trả các bên liên quan	1.263.319.200	1.263.319.200	-	-

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.

0111105
CÔNG T
CH NHIỆM
ANG KIỂM
AAS
HOÀN KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.491.273.508	-	-	2.479.591.151	180.159.256	-	180.159.256	201.673.650	9.832.037	-	-	9.832.037
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	5.548.634	-	-	1.334.190.198	2.085.584.769	-	2.085.584.769	756.943.205	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.186.221.942	1.186.221.942	3.565.340.471	4.019.098.528	-	4.019.098.528	-	732.463.885	-	-	732.463.885
Thuế Thu nhập cá nhân	-	15.698.984	15.698.984	91.998.105	97.210.027	-	97.210.027	-	10.487.062	-	-	10.487.062
Thuế Tài nguyên	-	1.719.000	1.719.000	26.622.600	26.555.760	-	26.555.760	-	1.785.840	-	-	1.785.840
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	543.057.000	543.057.000	3.310.689.000	3.853.746.000	-	3.853.746.000	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.757.802	9.757.802	94.368.820	88.336.488	-	88.336.488	-	15.790.134	-	-	15.790.134
	2.496.822.142		1.756.454.728	10.902.800.345	10.350.690.828		10.350.690.828	958.616.855	770.358.958			770.358.958

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1.164.836.183	828.740.412
Trích trước chi phí bồi hoàn cho lô hàng lỗi hỏng	1.586.477.871	-
Chi phí phải trả khác	624.991.338	-
	<u><u>3.376.305.392</u></u>	<u><u>828.740.412</u></u>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	141.950.851	158.651.991
Bảo hiểm xã hội	4.318.065	890.457
Bảo hiểm thất nghiệp	213.740	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	125.000.000	325.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.379.602	47.840.902
	<u><u>288.862.258</u></u>	<u><u>532.383.350</u></u>

01/12/2015
RÁC
HÀ NỘI
A
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì,
Hà Nội.**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuế tài chính chi tiết theo các ngân hàng và cá nhân						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ⁽¹⁾	19.362.265.875	19.362.265.875	34.462.776.463	50.819.080.478	3.005.961.860	3.005.961.860
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽²⁾	-	-	15.323.933.360	5.525.810.420	9.798.122.940	9.798.122.940
- Vay cá nhân	-	-	506.814.000	506.814.000	-	-
	19.362.265.875	19.362.265.875	50.293.523.823	56.851.704.898	12.804.084.800	12.804.084.800



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 3180-LAV-201500978 ngày 29/05/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất pin các loại;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 10 tháng, từ ngày kí hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này đến 12/03/2016;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ, tại thời điểm ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này là 3%/năm với USD và 7%/năm với VND;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.005.961.860 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Nghĩa vụ trả nợ của Công ty được bảo đảm bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Agribank và tại các tổ chức tín dụng khác cùng với các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được kí kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng
- (2) Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201500141 ngày 23/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong kế ước nhận nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Quy định cụ thể tại kế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Là lãi suất cho vay do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân, áp dụng cho từng lần giải ngân;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 9.798.122.940 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản đảm bảo. Công ty cam kết dùng nguồn thu từ xuất khẩu để bổ sung biện pháp bảo đảm nợ vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	34.545.000.000	27.172.167.816	27.172.167.816	3.160.278.914	11.893.399.182	76.770.845.912			
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	16.673.046.881	16.673.046.881			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	500.000.000	(6.181.750.000)	(5.681.750.000)			
Giảm khác	-	-	-	-	(50.428.685)	(50.428.685)			
Số dư cuối năm trước	34.545.000.000	27.172.167.816	27.172.167.816	3.660.278.914	22.334.267.378	87.711.714.108			
Số dư đầu năm nay	34.545.000.000	27.172.167.816	27.172.167.816	3.660.278.914	22.334.267.378	87.711.714.108			
Tăng vốn trong năm nay	17.269.430.000	(5.431.434.098)	(1.821.435.902)	-	(10.016.560.000)	-			
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	12.571.818.943	12.571.818.943			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	500.000.000	(7.218.100.000)	(6.718.100.000)			
Tăng khác	-	-	-	-	32.833.643	32.833.643			
Số dư cuối năm nay	51.814.430.000	21.740.733.718	21.740.733.718	2.338.843.012	17.704.259.964	93.598.266.694			

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-DHCD, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (theo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty năm 2014)	100,00%	22.334.267.378
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*)	2,24%	500.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,24%	500.000.000
Chi trả cổ tức bằng tiền (bằng 18% vốn điều lệ)	27,84%	6.218.100.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 29% vốn điều lệ)	44,85%	10.016.560.000
Lợi nhuận chưa phân phối	22,83%	5.099.607.378



18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHCD, Công ty thông qua việc tăng vốn điều lệ như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	58,00%	10.016.560.000
Tăng vốn từ Quỹ đầu phát triển	3,68%	636.278.914
Tăng vốn từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*)	6,86%	1.185.156.988
Tăng vốn từ Thặng dư vốn cổ phần đủ điều kiện tăng vốn điều lệ	31,45%	5.431.434.098
Tổng cộng	100,00%	17.269.430.000

(*) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty là khoản trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để bổ sung vốn điều lệ theo yêu cầu của pháp luật và được trình bày tại chỉ tiêu 418 - Quỹ đầu tư phát triển trên Bảng Cân đối kế toán.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
GP Batteris International Limited	15.545.240.000	30,00%	10.363.500.000	30,00%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	10.881.670.000	21,00%	7.254.450.000	21,00%
Phạm Văn Nghĩa	2.602.500.000	5,02%	1.735.000.000	5,02%
Các cổ đông khác	22.785.020.000	43,98%	15.192.050.000	43,98%
	51.814.430.000	100%	34.545.000.000	100%



